

Số: **1806**/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày **31** tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 06/8/2010 của Chính phủ về kiểm soát các thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 416/TTr-SNN ngày 23/7/2018; Tờ trình số 419/TTr-SNN ngày 24/7/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung (07 thủ tục) trong lĩnh vực lâm nghiệp, Danh mục thủ tục hành chính thay thế, bị thay thế (03 thủ tục), Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ (02 thủ tục) trong lĩnh vực nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

- Bãi bỏ 02 thủ tục trong lĩnh vực nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình.

(Có Danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh kể từ ngày ký.

- Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan đăng tải đầy đủ nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở,

ngành liên quan và niêm yết, công khai, tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Giám đốc Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, Phó CVP Bùi Quang Toàn;
- Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Tin học và Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (H. Thành 24b)

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Quang

PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, UBND CẤP HUYỆN TỈNH HÒA BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1806/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện	Thời gian	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
I. Lĩnh vực Lâm nghiệp						
1		Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (gồm công nhận: Cây trội; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyên hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng).	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	15 ngày làm việc	- Công nhận vườn giống: 2.400.000 đồng/vườn giống. - Công nhận lâm phần tuyển chọn: 600.000 đồng/giống. - Công nhận nguồn gốc lô giống, lô con giống: 600.000 đồng/lô giống.	Thông tư số 14/2018/TT-BTC, ngày 07/2/2018 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính.
2		Cấp Giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống cây trồng lâm nghiệp.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	10 ngày làm việc	600.000 đồng/lô giống	
3		Cấp Giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	10 ngày làm việc	600.000 đồng/lô giống	
II. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn						
1		Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối	Trung tâm Phục vụ	20 ngày làm việc	- Phân vô cơ: 1.200.000 đồng;	Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018

		với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	Hành chính công tỉnh		- Phân hữu cơ và phân bón khác: 3.000.000 đồng/01 cơ sở/lần.	quy định mức thu, chế độ thu nộp quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất thay thế Thông tư số 170/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính); Thông tư số 14/2018/TT-BTC, ngày 07/2/2018 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính.
2		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- 20 ngày làm việc hoặc 05 ngày làm việc.	- Phân vô cơ: 600.000 đồng; - Phân hữu cơ và phân bón khác: 1.200.000 đồng/01 cơ sở/lần.	
3		Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	10 ngày làm việc	500.000 đồng/01 cơ sở/lần	Thông tư số 14/2018/TT-BTC, ngày 07/2/2018 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính.
4		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	05 ngày làm việc	200.000 đồng/01 cơ sở/lần	

B. DANH MỤC TTHC ĐƯỢC THAY THẾ

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Công nhận làng nghề	Công nhận làng nghề	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 08/6/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn; - Quyết định số 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12/7/2018 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính ban hành thay thế, bị thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	Công nhận nghề truyền thống	Công nhận nghề truyền thống				
3	Công nhận làng nghề nghề truyền thống	Công nhận làng nghề nghề truyền thống				

C. DANH MỤC TTHC BỊ BÃI BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
1	Không có	Thẩm định, phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn 3	Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung về hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.	Ủy ban nhân dân cấp huyện
2	Không có	Thẩm định, phê duyệt dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi có giá trị theo quy hoạch thuộc Chương trình 30a		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

PHẦN II.
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. Lĩnh vực lâm nghiệp

1. Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Gồm công nhận: cây trội; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyên hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng)

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Tổ chức nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình
- Bước 2.
 - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ phải thông báo cho tổ chức biết để bổ sung theo quy định.
 - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải hoàn thành công tác thẩm định.
 - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản thẩm định, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp chứng chỉ công nhận vườn giống cho tổ chức.
- Bước 3. Trả kết quả cho tổ chức theo phiếu hẹn.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc gửi Bưu điện.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a. Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp;
- Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống.

b. Số lượng: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ

1.5. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.6. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

1.7. Kết quả thực hiện TTHC: Chứng chỉ công nhận.

1.8. Phí, lệ phí:

- Công nhận vườn giống: 2.400.000 đồng/vườn giống.
- Công nhận lâm phần tuyển chọn: 600.000 đồng/giống.
- Công nhận nguồn gốc lô giống, lô con giống: 600.000 đồng/lô giống.

1.9. Tên mẫu đơn, tờ khai:

- Mẫu đơn theo Phụ lục 05, Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/ 12 /2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.
- Mẫu báo cáo kỹ thuật theo Phụ lục 12 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.

1.10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/ 12/ 2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.
- Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 / 4 /2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.
- *Thông tư số 14/2018/TT-BTC, ngày 7/2/2018 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.*

Ghi chú: *Phần chữ in nghiêng là nội dung TTHC được sửa đổi, bổ sung.*

MẪU BIỂU SỐ 05

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐĂNG KÝ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh

Căn cứ vào Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và tiêu chuẩn về các loại hình nguồn giống cây trồng lâm nghiệp đã ban hành, chúng tôi làm đơn này đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh
.....thẩm định và cấp chứng chỉ công nhận các nguồn giống sau đây:

A - Phần dành cho người làm đơn	
Tên chủ nguồn giống (Đơn vị hoặc cá nhân)	
Địa chỉ (Kèm số ĐT/Fax/E-mail nếu có)	
Loài cây	1. Tên khoa học 2. Tên Việt Nam
Vị trí hành chính và địa lý của nguồn giống xin công nhận	Tỉnh: ... Huyện: ... Xã: ... Thuộc lô, khoảnh, tiểu khu, lâm trường: Vĩ độ: Kinh độ: Độ cao trên mặt nước biển:
Các thông tin chi tiết về nguồn giống xin công nhận:	
1. Nguồn gốc (rừng tự nhiên/rừng trồng): 2. Tuổi trung bình hoặc năm trồng: 3. Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây uơm từ hạt, cây ghép, cây giâm hom, cây nuôi cây mô, xuất xứ, số cây trội được lấy hạt, số dòng vô tính): 4. Sơ đồ bố trí cây trồng: 5. Diện tích: 6. Chiều cao trung bình (m): 7. Đường kính trung bình ở 1.3m (m): 8. Đường kính tán cây trung bình (m): 9. Cự ly trồng ban đầu và mật độ hiện thời (số cây/ha): 10. Tình hình ra hoa, kết hạt: 11. Tóm tắt các kết quả khảo nghiệm hoặc trồng thử bằng nguồn giống này (nếu có):	
Sơ đồ vị trí nguồn giống (nếu có):	

Loại hình nguồn giống đề nghị được công nhận:	
<input type="checkbox"/> Lâm phần tuyển chọn <input type="checkbox"/> Rừng giống chuyển hóa <input type="checkbox"/> Rừng giống trồng <input type="checkbox"/> Cây mẹ (cây trội) <input type="checkbox"/> Cây đầu dòng (hoặc Vườn cung cấp hom)	
Ngày ... tháng ... năm 200... Chữ ký của người làm đơn <i>(Con dấu của đơn vị nếu có)</i>	
B - Phần dành cho Sở Nông nghiệp và PTNT	
Nhận đơn ngày ... tháng ... năm 200...	
Ngày thẩm định tại hiện trường nguồn giống:	
Ngày họp Hội đồng thẩm định:	
Ngày ... tháng ... năm 200... Chi Cục trưởng Chi cục Kiểm lâm <i>(Ký tên)</i>	

Phụ lục 12: Mẫu báo cáo kỹ thuật về nguồn giống
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2011/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BÁO CÁO KỸ THUẬT VỀ NGUỒN GIỐNG

Kính gửi :.....

1. Tên cơ quan, cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Thông tin về nguồn giống:

+ Nguồn gốc.

+ Tuổi trung bình hoặc năm trồng.

+ Nguồn vật liệu giống ban đầu.

+ Sơ đồ bố trí thí nghiệm; sơ đồ nguồn giống

+ Diện tích trồng.

+ Các chỉ tiêu sinh trưởng: đường kính bình quân, chiều cao bình quân, đường kính tán.

+ Mật độ trồng (Cụ ly trồng); Mật độ hiện tại.

+ Tình hình ra hoa kết quả, kết hạt.

+ Tóm tắt các biện pháp lâm sinh đã áp dụng: xử lý thực bì, bón phân, chăm sóc, tỉa thưa...

3. Kết luận và đề nghị:

Tổ chức, cá nhân báo cáo
(Ký tên và đóng dấu)

2. Cấp chứng nhận nguồn gốc lô giống cây trồng lâm nghiệp

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Chủ nguồn giống nộp thông báo thu hoạch giống theo qui định tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình.

- Bước 2.

+ Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và viết Phiếu biên nhận (Nếu hồ sơ không hợp lệ thì yêu cầu chủ nguồn giống điều chỉnh, sửa đổi hoàn thiện hồ sơ theo qui định).

+ Chi cục Kiểm lâm kiểm tra số liệu ghi trong thông báo và năng lực thực tế nguồn giống (Nếu cần thiết thẩm định hiện trường sản xuất của chủ lô giống); Nếu đảm bảo yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận. Nếu không đảm bảo cấp giấy chứng nhận thông báo cho chủ nguồn giống lý do.

- Bước 3. Trả kết quả cho tổ chức theo phiếu hẹn.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc gửi qua Bưu điện

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ: Thông báo thu hoạch giống (Mẫu số 15 tại Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011).

b. Số lượng: 01 bộ

2.4. Thời hạn giải quyết: Trong vòng 10 ngày làm việc (Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

2.5. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Kiểm lâm;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm.

2.6. Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ nguồn giống.

2.7. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống.

2.8. Phí, lệ phí: 600.000 đồng/lô giống (Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính).

2.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Mẫu thông báo theo Phụ lục 15, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng

2.10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/ 12/ 2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

- Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/ 4/ 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.

- Thông tư số 14/2018/TT-BTC, ngày 7/2/2018 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

Phụ lục 15: Mẫu thông báo thu hoạch giống lâm nghiệp
(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20

THÔNG BÁO
THU HOẠCH VẬT LIỆU GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Kính gửi:

Thực hiện quy định trong thủ tục giám sát chuỗi hành trình giống cây trồng lâm nghiệp chính; căn cứ vào sản lượng hiện thời của nguồn giống của đơn vị (hoặc của chủ nguồn giống có hợp đồng kinh tế với đơn vị), chúng tôi thông kế hoạch tiến hành thu hoạch vật liệu giống theo thời gian và khối/số lượng dự kiến như sau:

Phần 1: Thông báo thu hoạch vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp	
Tên chủ nguồn giống	
Địa chỉ kèm theo Tel/Fax/Email của chủ nguồn giống	
Loài cây được thu hoạch giống	
Mã số nguồn giống	
Địa điểm nguồn giống được thu hái	
Loại hình nguồn giống (theo chứng chỉ công nhận nguồn giống)	<input type="checkbox"/> Lâm phần tuyển chọn <input type="checkbox"/> Rừng giống chuyên hoá <input type="checkbox"/> Rừng giống <input type="checkbox"/> Vườn giống <input type="checkbox"/> Bình cây mô <input type="checkbox"/> Cây mẹ (Cây trội) <input type="checkbox"/> Vườn cung cấp hom
Thời gian dự kiến thu hoạch giống	- Ngày bắt đầu: - Ngày kết thúc:
Ngày ... tháng ... năm 200...	Chữ ký và con dấu (nếu có) của chủ nguồn giống
Phần 2: Kết quả thu hoạch giống và đề nghị cấp chứng nhận lự giống thu hoạch được	
Thời gian thu hoạch thực tế	- Ngày bắt đầu: - Ngày kết thúc:
Lượng thu hoạch thực tế sau khi tinh chế/xử lý	- Kg (đối với hạt giống) - Số hom (đối với vật liệu sinh dưỡng) - Số bình cây (đối với vật liệu nuôi cây mô)
Ngày ... tháng ... năm 200...	Chữ ký và con dấu (nếu có) của chủ nguồn giống

Ghi chú: Thông báo này được làm thành 3 liên. Liên đầu (bản gốc) được chủ nguồn giống lưu giữ và điền các thông tin thích hợp theo tiến độ thực hiện việc thu hoạch giống. Liên 2 được chủ nguồn giống gửi tới Chi cục Lâm nghiệp tỉnh sau khi đã điền vào phần 1, chậm nhất là 10 ngày trước khi tiến hành công việc thu hoạch giống. Liên 3 được gửi tới Chi cục Lâm nghiệp tỉnh sau khi đã điền phần 2 và kết quả thu hoạch giống cuối cùng thay báo cáo đề đề nghị cấp giấy chứng nhận lô giống đã thu hoạch.

3. Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con

3.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Chủ nguồn giống nộp thông báo kết quả sản xuất, kinh thu hoạch cây con theo qui định tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình.

- Bước 2.

+ Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và viết Phiếu biên nhận (Nếu hồ sơ không hợp lệ thì yêu cầu chủ nguồn giống điều chỉnh, sửa đổi hoàn thiện hồ sơ theo qui định).

+ Chi cục Kiểm lâm kiểm tra số liệu qua sổ sách (các số liệu vật liệu giống nhập xuất kho và gieo ươm). Nếu đảm bảo yêu cầu thì thông báo đến chủ cơ sở sản xuất tiến hành kiểm tra thực tế tại cơ sở sản xuất và cấp Giấy chứng nhận. Nếu không đảm bảo cấp giấy chứng nhận thông báo cho chủ nguồn giống lý do.

- Bước 3. Trả kết quả cho tổ chức theo phiếu hẹn.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc gửi Bưu điện.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a. Thành phần hồ sơ:

- Thông báo kết quả sản xuất cây con ở vườn ươm cây lâm nghiệp (Phụ lục 14: Thông tư số 25/2011/TT-BNN ngày 6/4/2011);

- Các hồ sơ liên quan: Giấy hóa đơn mua vật liệu giống; Giấy Chứng chỉ công nhận nguồn giống đưa vào sản xuất, kinh doanh; Giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống cây trồng; Sổ theo dõi nhật ký gieo ươm; Bản công bố tiêu chuẩn chất lượng giống cây trồng.

b. Số lượng: 01 bộ

3.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo sản xuất cây con ở vườn ươm, Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải hoàn thành công tác thẩm định và cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô cây con.

3.5. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Kiểm lâm tỉnh;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm tỉnh.

3.6. Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ đơn vị sản xuất, kinh doanh giống

3.7. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

3.8. Phí, lệ phí: 600.000 đồng/lô giống (Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính).

3.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Mẫu thông báo theo Phụ lục 14, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.

3.10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp;
- Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/ 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng;
- *Thông tư số 14/2018/TT-BTC, ngày 7/2/2018 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.*

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung TTHC được sửa đổi, bổ sung.

Phụ lục 14: Mẫu thông báo kết quả sản xuất cây con lâm nghiệp
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 200

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT CÂY CON Ở VƯỜN ƯƠM CÂY LÂM NGHIỆP

Kính gửi:

Thực hiện quy định trong thủ tục giám sát chuỗi hành trình giống cây trồng lâm nghiệp chính, chúng tôi thông báo kết quả sản xuất cây con của vụ/ năm.....và đề nghị quý cơ quan thẩm định đề cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống cho lô cây con sau đây:

Tên đơn vị SXKDGLN	
Địa chỉ của đơn vị SXKDGLN	
Loại cây con được sản xuất	<input type="checkbox"/> Cây ươm từ hạt <input type="checkbox"/> Cây giâm hom <input type="checkbox"/> Cây nuôi cấy mô
Mã số nguồn giống gốc được công nhận dùng để nhân giống	
Số lượng	<input type="checkbox"/> Khối lượng (kg) hạt được đưa vào gieo ươm <input type="checkbox"/> Số lượng hom/bình cấy <input type="checkbox"/> Số lượng cây con đạt tiêu chuẩn xuất vườn
Ngày ... tháng ... năm 200...	Trưởng đơn vị SXKDGLN (ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Thông báo này phải được gửi tới Chi cục lâm nghiệp sở tại chậm nhất là 10 ngày trước khi đơn vị bán/giao cây con cho khách hàng.

II. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình.
- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, nếu hồ sơ không hợp lệ phải thông báo cho tổ chức, cá nhân để bổ sung hồ sơ.
- Bước 3: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở sản xuất phân bón.
- Bước 4: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 5: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổng hợp, công bố trên Cổng/Trang thông tin điện tử danh sách các tổ chức, cá nhân được cấp giấy chứng nhận.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc theo đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón. Mẫu số 12, Phụ lục I, Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017;
- Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón. Mẫu số 14, Phụ lục I, Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017;
- Bản sao hợp lệ phiếu kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh đối với máy thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và các thiết bị đo lường thử nghiệm;
- Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học của người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất;
- Bản sao hợp lệ Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Cam kết bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành;
- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy hoặc phương án chữa cháy của cơ sở theo quy định hiện hành.

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân (thời hạn của Giấy chứng nhận là 05 năm).

1.8. Phí:

- *Phân vô cơ: 1.200.000 đồng (Thông tư số 08/2018/TT-BTC, ngày 25/1/2018 của Bộ Tài Chính);*

- *Phân hữu cơ và phân bón khác: 3.000.000 đồng/01 cơ sở/lần (Thông tư 14/2018/TT-BTC, ngày 07/2/2018 của Bộ Tài Chính).*

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón. Mẫu số 12, Nghị định số 108/2017/NĐ-CP;

- Bản thuyết minh điều kiện sản xuất phân bón. Mẫu số 14, Nghị định số 108/2017/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có địa điểm sản xuất, diện tích nhà xưởng phù hợp với công suất của dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất phân bón;

c) Dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất từ khâu xử lý nguyên liệu đến sản phẩm cuối cùng đáp ứng công suất sản xuất và quy trình công nghệ;

- Các công đoạn, hệ thống bắt buộc phải sử dụng máy thiết bị được cơ giới hóa hoặc tự động hóa, cụ thể:

+ Đối với phân bón dạng phối trộn khô, dạng bột, dạng hạt phải có hệ thống máy có cơ cấu quay hoặc khuấy, đảo nguyên liệu, bán thành phẩm phục vụ việc phối trộn để tạo sản phẩm cuối cùng; có băng tải, dây chuyền để vận chuyển nguyên vật liệu đến máy trộn và từ máy trộn đến thùng chứa trước khi đóng gói thành phẩm.

+ Đối với phân bón dạng lỏng phải có hệ thống thùng chứa, thùng quay hoặc hệ thống khuấy trộn bằng cơ học hoặc khí nén nguyên liệu, bán thành phẩm phục vụ việc phối trộn để tạo sản phẩm cuối cùng; có hệ thống đường ống hoặc bơm hoặc dây chuyền để vận chuyển nguyên vật liệu đến máy trộn và từ máy trộn đến thùng chứa trước khi chuyển đến máy đóng chai, đóng gói thành phẩm.

+ Đối với phân bón được tạo hạt từ nguyên liệu rời, ép hoặc nén thành viên phải có máy tạo hạt, ép viên. Phân bón có yêu cầu về cỡ hạt phải có sàng phân loại sản phẩm; đối với phân bón có yêu cầu về độ ẩm dưới 12% phải có hệ thống máy sấy.

+ Phân bón có yêu cầu về khối lượng tịnh phải có cân hoặc thiết bị đo lường có độ chính xác theo quy định pháp luật về đo lường. Phân bón có yêu cầu về thể tích phải có trang thiết bị kiểm soát thể tích có độ chính xác theo quy định pháp luật về đo lường.

+ Trường hợp tự sản xuất chủng men giống để sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh hoặc phân bón vi sinh vật, phải có các thiết bị tạo môi trường và nuôi cấy vi sinh vật gồm: Cân

kỹ thuật, máy lắ, nôi hấp tiệt trùng, tủ âm, tủ sấy, máy lắ nhu động, lò vi sóng, tủ cấy vi sinh vật, tủ lạnh, nôi lên men hoặc thiết bị lên men.

+ Trường hợp tự lên men để sản xuất phân bón hữu cơ sinh học, phân bón sinh học phải có hệ thống thiết bị lên men thủy phân theo dây chuyền từ nguyên liệu đến sản phẩm cuối cùng.

- Máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và thiết bị đo lường thử nghiệm; phải được kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Có khu vực chứa nguyên liệu và khu vực thành phẩm riêng biệt; có kệ hoặc bao lót để xếp đặt hàng;

đ) Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất có trình độ đại học trở lên một trong các chuyên ngành về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- *Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 quy định mức thu, chế độ thu nộp quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất thay thế Thông tư số 170/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính);*

- *Thông tư số 14/2018/TT-BTC, ngày 07/2/2018 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.*

Ghi chú: *Phần chữ in nghiêng là nội dung TTHC được sửa đổi, bổ sung.*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN**

Kính gửi:(1)

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:ngàyNơi cấp

Điện thoại:Fax:E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, đơn vị trực thuộc/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ gia đình số:.....ngàyNơi cấp

Điện thoại:Fax:E-mail:

Địa điểm sản xuất phân bón:

Địa điểm nơi chứa (kho) phân bón:

Đề nghị quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón**Loại hình sản xuất:** Sản xuất tạo ra sản phẩm phân bón Đóng gói phân bón thành phẩm**Hình thức cấp:** Cấp mới Cấp lại lần thứ

Lý do cấp lại

Hồ sơ gửi kèm:

.....

Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về phân bón./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN*(Ký tên, đóng dấu)*

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

Mẫu số 14

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm.....

**BẢN THUYẾT MINH
VỀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN**

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1. Đơn vị chủ quản:

Tên tiếng Việt:

Tên tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:

E-mail:Website:

2. Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:

E-mail:Website:

3. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức, cá nhân:

Họ và tên:

Chức danh:

Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:E-mail:

4. Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất:

Họ và tên:

Chức danh:

Điện thoại:Fax:E-mail:

5. Loại hình hoạt động:

- DN nhà nước - DN 100% vốn nước ngoài

- DN liên doanh với nước ngoài - DN cổ phần

- DN tư nhân - Khác:

6. Mục đích sản xuất phân bón:

Bán trong nước Xuất khẩu

Khác Nêu cụ thể

7. Công suất thiết kế:

II. THÔNG TIN VỀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT

1. Nhà xưởng:

- Sơ đồ tổng thể (bản vẽ kèm theo)

- Diện tích nhà xưởng (m²):

+ Khu vực sản xuất (m²):

+ Khu vực kho (m²):

* Trường hợp có nhiều địa điểm sản xuất và kho thì liệt kê đầy đủ tên, địa chỉ, điện thoại.

2. Thống kê dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất phân bón, gồm các thông tin: Tên máy thiết bị, công suất thiết kế, công nghệ, nguồn gốc.

3. Bản vẽ thiết kế dây chuyền sản xuất (bản vẽ kèm theo)

4. Sơ đồ, thuyết minh quy trình sản xuất:

5. Tổng số lao động sản xuất phân bón:

6. Danh mục phân bón sản xuất (thống kê từng địa điểm sản xuất phân bón):

STT	Loại phân bón	Dạng phân bón	Công suất	Phương thức sử dụng

7. Hệ thống xử lý chất thải:

- Nước thải: Có Không

- Khí thải: Có Không

- Chất thải rắn (bao gồm cả cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý):

8. Trang thiết bị bảo hộ lao động:

9. Trang thiết bị phòng chống cháy nổ:

10. Phòng thử nghiệm

Có (tiếp tục khai báo mục a)

Không (tiếp tục khai báo mục b)

a) Nếu có, bổ sung các thông tin sau

- Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 17025-2005 hoặc tương đương:

Được chứng nhận bởi tổ chức chứng nhận

Cơ sở tự áp dụng

- Thiết bị thử nghiệm

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Công suất	Năm bắt đầu sử dụng

- Chi tiêu thử nghiệm

STT	Chi tiêu	Phương pháp	Ghi chú

--	--	--	--

(Đánh dấu * đối với các chỉ tiêu thử nghiệm được công nhận/chi định bởi các tổ chức chứng nhận/Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

- Nhân lực

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/ Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Khóa đào tạo đã tham gia	Ghi chú

b) Nếu không có, cung cấp tên phòng thử nghiệm và hợp đồng kiểm tra chất lượng thành phẩm

.....

11. Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 9001 hoặc tương đương

- Bản sao chụp kèm theo
- Được chứng nhận bởi tổ chức chứng nhận
- Cơ sở tự áp dụng

12. Hệ thống quản lý môi trường phù hợp ISO 14001 hoặc tương đương

- Được chứng nhận bởi tổ chức chứng nhận
- Cơ sở tự áp dụng

13. Những thông tin khác:.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Đối với hình thức đóng gói phân bón thì không phải khai báo, thuyết minh về quy trình sản xuất, phòng thử nghiệm, hệ thống quản lý môi trường phù hợp ISO 14001.

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình.

- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc; nếu hồ sơ không hợp lệ phải thông báo cho tổ chức, cá nhân để bổ sung hồ sơ.

- Bước 3: Thẩm định và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón

+ Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn:

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở sản xuất phân bón và lập Biên bản kiểm tra.

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp không cấp lại phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón bị mất, hư hỏng, thay đổi nội dung thông tin ghi trên Giấy chứng nhận:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời hạn của Giấy chứng nhận giữ nguyên thời hạn của Giấy chứng nhận đã cấp.

Trường hợp không cấp lại phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc theo đường bưu điện

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ

Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón. Mẫu số 12, Phụ lục I, Nghị định số 108/2017/NĐ-CP;

- Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón. Mẫu số 14, Phụ lục I, Nghị định số 108/2017/NĐ-CP;

- Bản sao hợp lệ phiếu kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh đối với máy thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và các thiết bị đo lường thử nghiệm;

- Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học của người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất;

- Bản sao hợp lệ Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Cam kết bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành;

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy hoặc phương án chữa cháy của cơ sở theo quy định hiện hành.

Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón bị mất, hư hỏng, thay đổi nội dung thông tin ghi trên Giấy chứng nhận:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón, Mẫu số 12, Phụ lục I, Nghị định số 108/2017/NĐ-CP;

- Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ sau:

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đã được sửa đổi (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung về đăng ký doanh nghiệp hoặc địa điểm hoặc thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký);

+ Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón. Mẫu số 14, Phụ lục I, Nghị định số 108/2017/NĐ-CP (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh về điều kiện hoạt động, công suất sản xuất);

+ Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam hoặc hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc chuyển giao phân bón từ tổ chức, cá nhân khác (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh bổ sung về loại phân bón sản xuất).

- Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đã được cấp (trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất).

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- 20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn.

- 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ) đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón bị mất, hư hỏng, thay đổi nội dung thông tin ghi trên Giấy chứng nhận.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón.

- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn: Thời hạn của Giấy chứng nhận là 05 năm.

- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón bị mất, hư hỏng, thay đổi nội dung thông tin ghi trên Giấy chứng nhận: Thời hạn của Giấy chứng nhận theo thời hạn của Giấy chứng nhận đã cấp.

2.8. Phí:

- *Phân vô cơ: 600.000 đồng (Thông tư số 08/2018/TT-BTC, ngày 25/1/2018 của Bộ Tài Chính);*

- *Phân hữu cơ và phân bón khác: 1.200.000 đồng/01 cơ sở/lần (Thông tư 14/2018/TT-BTC, ngày 07/2/2018 của Bộ Tài Chính).*

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón. Mẫu số 12, Nghị định số 108/2017/NĐ-CP;

- Bản thuyết minh điều kiện sản xuất phân bón. Mẫu số 14, Nghị định số 108/2017/NĐ-CP.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn)

a) Tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có địa điểm sản xuất, diện tích nhà xưởng phù hợp với công suất của dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất phân bón;

c) Dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất từ khâu xử lý nguyên liệu đến sản phẩm cuối cùng đáp ứng công suất sản xuất và quy trình công nghệ;

- Các công đoạn, hệ thống bắt buộc phải sử dụng máy thiết bị được cơ giới hóa hoặc tự động hóa, cụ thể:

+ Đối với phân bón dạng phối trộn khô, dạng bột, dạng hạt phải có hệ thống máy có cơ cấu quay hoặc khuấy, đảo nguyên liệu, bán thành phẩm phục vụ việc phối trộn để tạo sản phẩm cuối cùng; có băng tải, dây chuyền để vận chuyển nguyên vật liệu đến máy trộn và từ máy trộn đến thùng chứa trước khi đóng gói thành phẩm.

+ Đối với phân bón dạng lỏng phải có hệ thống thùng chứa, thùng quay hoặc hệ thống khuấy trộn bằng cơ học hoặc khí nén nguyên liệu, bán thành phẩm phục vụ việc phối trộn để tạo sản phẩm cuối cùng; có hệ thống đường ống hoặc bơm hoặc dây chuyền để vận chuyển nguyên vật liệu đến máy trộn và từ máy trộn đến thùng chứa trước khi chuyển đến máy đóng chai, đóng gói thành phẩm.

+ Đối với phân bón được tạo hạt từ nguyên liệu rời, ép hoặc nén thành viên phải có máy tạo hạt, ép viên. Phân bón có yêu cầu về cỡ hạt phải có sàng phân loại sản phẩm; đối với phân bón có yêu cầu về độ ẩm dưới 12% phải có hệ thống máy sấy.

+ Phân bón có yêu cầu về khối lượng tịnh phải có cân hoặc thiết bị đo lường có độ chính xác theo quy định pháp luật về đo lường. Phân bón có yêu cầu về thể tích phải có trang thiết bị kiểm soát thể tích có độ chính xác theo quy định pháp luật về đo lường.

+ Trường hợp tự sản xuất chủng men giống để sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh hoặc phân bón vi sinh vật, phải có các thiết bị tạo môi trường và nuôi cấy vi sinh vật gồm: Cân kỹ thuật, máy lactic, nồi hấp tiệt trùng, tủ ẩm, tủ sấy, máy lactic nhu động, lò vi sóng, tủ cấy vi sinh vật, tủ lạnh, nồi lên men hoặc thiết bị lên men.

+ Trường hợp tự lên men để sản xuất phân bón hữu cơ sinh học, phân bón sinh học phải có hệ thống thiết bị lên men thủy phân theo dây chuyền từ nguyên liệu đến sản phẩm cuối cùng.

- Máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và thiết bị đo lường thử nghiệm phải được kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Có khu vực chứa nguyên liệu và khu vực thành phẩm riêng biệt; có kệ hoặc bao lót để xếp đặt hàng;

đ) Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất có trình độ đại học trở lên một trong các chuyên ngành về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- *Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 quy định mức thu, chế độ thu nộp quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất thay thế Thông tư số 170/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính*);

- *Thông tư số 14/2018/TT-BTC, ngày 07/2/2018 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.*

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung TTHC được sửa đổi, bổ sung.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN**

Kính gửi:(1)

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:ngàyNơi cấp

Điện thoại:Fax:E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, đơn vị trực thuộc/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ gia đình số:.....ngàyNơi cấp

Điện thoại:Fax:E-mail:

Địa điểm sản xuất phân bón:

Địa điểm nơi chứa (kho) phân bón:

Đề nghị quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón

Loại hình sản xuất:

Sản xuất tạo ra sản phẩm phân bón

Đóng gói phân bón thành phẩm

Hình thức cấp:

Cấp mới

Cấp lại lần thứ

Lý do cấp lại

Hồ sơ gửi kèm:

.....

Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về phân bón./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm.....

**BẢN THUYẾT MINH
VỀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN**

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1. Đơn vị chủ quản:

Tên tiếng Việt:

Tên tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:

E-mail:Website:

2. Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:

E-mail:Website:

3. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức, cá nhân:

Họ và tên:

Chức danh:

Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:E-mail:

4. Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất:

Họ và tên:

Chức danh:

Điện thoại:Fax:E-mail:

5. Loại hình hoạt động:

- DN nhà nước
- DN 100% vốn nước ngoài
- DN liên doanh với nước ngoài
- DN cổ phần
- DN tư nhân
- Khác:

6. Mục đích sản xuất phân bón:

Bán trong nước Xuất khẩu

Khác Nêu cụ thể

7. Công suất thiết kế:

II. THÔNG TIN VỀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT

1. Nhà xưởng:

- Sơ đồ tổng thể (bản vẽ kèm theo)

- Diện tích nhà xưởng (m²):

+ Khu vực sản xuất (m²):

+ Khu vực kho (m²):

* Trường hợp có nhiều địa điểm sản xuất và kho thì liệt kê đầy đủ tên, địa chỉ, điện thoại.

2. Thống kê dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất phân bón, gồm các thông tin: Tên máy thiết bị, công suất thiết kế, công nghệ, nguồn gốc.

3. Bản vẽ thiết kế dây chuyền sản xuất (bản vẽ kèm theo)

4. Sơ đồ, thuyết minh quy trình sản xuất:

5. Tổng số lao động sản xuất phân bón:

6. Danh mục phân bón sản xuất (thống kê từng địa điểm sản xuất phân bón):

STT	Loại phân bón	Dạng phân bón	Công suất	Phương thức sử dụng

7. Hệ thống xử lý chất thải:

- Nước thải: Có Không

- Khí thải: Có Không

- Chất thải rắn (bao gồm cả cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý):

8. Trang thiết bị bảo hộ lao động:

9. Trang thiết bị phòng chống cháy nổ:

10. Phòng thử nghiệm

Có (tiếp tục khai báo mục a)

Không (tiếp tục khai báo mục b)

a) Nếu có, bổ sung các thông tin sau

- Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 17025-2005 hoặc tương đương:

Được chứng nhận bởi tổ chức chứng nhận

Cơ sở tự áp dụng

- Thiết bị thử nghiệm

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Công suất	Năm bắt đầu sử dụng

- Chi tiêu thử nghiệm

STT	Chi tiêu	Phương pháp	Ghi chú

(Đánh dấu * đối với các chỉ tiêu thử nghiệm được công nhận/chi định bởi các tổ chức chứng nhận/Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

- Nhân lực

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/ Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Khóa đào tạo đã tham gia	Ghi chú

b) Nếu không có, cung cấp tên phòng thử nghiệm và hợp đồng kiểm tra chất lượng thành phẩm

11. Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 9001 hoặc tương đương

- Bản sao chụp kèm theo
- Được chứng nhận bởi tổ chức chứng nhận
- Cơ sở tự áp dụng

12. Hệ thống quản lý môi trường phù hợp ISO 14001 hoặc tương đương

- Được chứng nhận bởi tổ chức chứng nhận
- Cơ sở tự áp dụng

13. Những thông tin khác:.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Đối với hình thức đóng gói phân bón thì không phải khai báo, thuyết minh về quy trình sản xuất, phòng thử nghiệm, hệ thống quản lý môi trường phù hợp ISO 14001.

3. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

3.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, số 485, đường Trần Hưng Đạo, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình.
- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. Nếu hồ sơ không hợp lệ phải thông báo cho tổ chức, cá nhân để bổ sung hồ sơ.
- Bước 3: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở buôn bán phân bón.
- Bước 4: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc theo đường bưu điện

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón. Mẫu số 13, Phụ lục I, Nghị định số 108/2017/NĐ-CP;
- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán. Mẫu số 15, Phụ lục I, Nghị định số 108/2017/NĐ-CP;
- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về phân bón hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học của người trực tiếp buôn bán phân bón.

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

3.8. Phí: 500.000 đồng/01 cơ sở/lần (Thông tư 14/2018/TT-BTC, ngày 07/2/2018 của Bộ Tài Chính).

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón. Mẫu số 13, Nghị định số 108/2017/NĐ-CP;
- Bản thuyết minh về điều kiện buôn bán phân bón. Mẫu số 15, Nghị định số 108/2017/NĐ-CP.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân được đăng ký hoặc thành lập theo quy định của pháp luật;
- Có cửa hàng buôn bán phân bón. Cửa hàng buôn bán phân bón phải có: biển hiệu; sổ ghi chép việc mua, bán phân bón; bảng giá bán công khai từng loại phân bón niêm yết tại nơi dễ thấy, dễ đọc;
- Có khu vực chứa phân bón; có kệ hoặc bao lót để xếp đặt hàng;
- Người trực tiếp bán phân bón phải có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về phân bón. Trừ trường hợp đã có trình độ trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học.

Trường hợp buôn bán phân bón không có cửa hàng phải có đăng ký doanh nghiệp; có địa điểm giao dịch cố định, hợp pháp; có sổ ghi chép việc mua bán phân bón và người trực tiếp bán phân bón phải có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về phân bón; trừ trường hợp đã có trình độ trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 14/2018/TT-BTC, ngày 7/2/2018 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

Ghi chú: *Phần chữ in nghiêng là nội dung TTHC được sửa đổi, bổ sung.*

TÊN TÓ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN PHÂN BÓN**

Kính gửi:(1)

1. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ gia đình số:ngàyNơi cấp.....

Tên chủ cơ sở/ người đại diện theo pháp luật.....

Điện thoại:Fax:E-mail:

Số chứng minh nhân dân số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

2. Tên đơn vị chủ quản (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:E-mail:

Địa điểm nơi chứa (kho) phân bón: (nếu có).....

Đề nghị quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

Cấp

Cấp lại

Lý do cấp lại

Hồ sơ gửi kèm:

.....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực phân bón và các quy định pháp luật khác có liên quan./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TÓ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....
(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm.....

BẢN THUYẾT MINH
VỀ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN PHÂN BÓN

Kính gửi:(1)

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1. Đơn vị chủ quản:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:Fax:E-mail:
2. Tên tổ chức, cá nhân:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:Fax:E-mail:
3. Loại hình hoạt động: (doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể)
4. Năm bắt đầu hoạt động:
5. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN BUÔN BÁN

1. Cửa hàng (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có cửa hàng)

- Diện tích cửa hàng:m²
- Diện tích/công suất khu vực chứa/kho chứa phân bón:m² hoặc..... tấn
- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:

2. Nhân lực:

Danh sách nhân lực, trong đó bao gồm các thông tin:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh; loại văn bằng, giấy chứng nhận (ngày cấp, thời hạn hiệu lực, tên cơ quan cấp, tên người được cấp).
- Những thông tin khác

3. Nơi chứa phân bón:

- Có (tiếp tục khai báo mục a)
- Không (tiếp tục khai báo mục b)

a) Nếu có, cung cấp các thông tin sau:

Nơi chứa phân bón: Từ 5.000 tấn trở lên Dưới 5.000 tấn

Kích thước kho:

Thông tin về nơi chứa phân bón:

Tên người đại diện:

Địa chỉ:

Điện thoại:

b) Nếu không có kho riêng: nêu tên những đơn vị mà tổ chức, cá nhân có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho):

4. Nội quy phòng cháy chữa cháy

5. Phương tiện phòng cháy chữa cháy:

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu - nếu có)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

4. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

4.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, số 485, đường Trần Hưng Đạo, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình.

- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

Nếu hồ sơ không hợp lệ phải thông báo cho tổ chức, cá nhân để bổ sung hồ sơ.

- Bước 3: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp không cấp lại phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc theo đường bưu điện

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận. Mẫu số 13, Phụ lục I, Nghị định số 108/2017/NĐ-CP;

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đã được sửa đổi (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung về đăng ký doanh nghiệp hoặc địa điểm hoặc thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký);

- Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón đã được cấp (trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất).

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón. Mẫu số 17, Phụ lục I, Nghị định số 108/2017/NĐ-CP.

4.8. Phí: 200.000 đồng/01 cơ sở/lần (Thông tư 14/2018/TT-BTC, ngày 07/2/2018 của Bộ Tài Chính).

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón. Mẫu số 13, Nghị định số 108/2017/NĐ-CP;

- Bản thuyết minh về điều kiện buôn bán phân bón. Mẫu số 15, Nghị định số 108/2017/NĐ-CP.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân được đăng ký hoặc thành lập theo quy định của pháp luật.
- Có cửa hàng buôn bán phân bón. Cửa hàng buôn bán phân bón phải có: biển hiệu; sổ ghi chép việc mua, bán phân bón; bảng giá bán công khai từng loại phân bón niêm yết tại nơi dễ thấy, dễ đọc.
- Có khu vực chứa phân bón; có kệ hoặc bao lót để xếp đặt hàng.
- Người trực tiếp bán phân bón phải có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về phân bón. Trừ trường hợp đã có trình độ trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học, Trường hợp buôn bán phân bón không có cửa hàng phải có đăng ký doanh nghiệp; có địa điểm giao dịch cố định, hợp pháp; có sổ ghi chép việc mua, bán phân bón và người trực tiếp bán phân bón phải có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về phân bón; trừ trường hợp đã có trình độ trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 14/2018/TT-BTC, ngày 7/2/2018 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung TTHC được sửa đổi, bổ sung.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN PHÂN BÓN**

Kính gửi:(1)

1. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ gia đình số:ngàyNơi cấp.....

Tên chủ cơ sở/ người đại diện theo pháp luật.....

Điện thoại:Fax:E-mail:

Số chứng minh nhân dân số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

2. Tên đơn vị chủ quản (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:E-mail:

Địa điểm nơi chứa (kho) phân bón: (nếu có).....

Đề nghị quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

Cấp

Cấp lại

Lý do cấp lại

Hồ sơ gửi kèm:

.....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực phân bón và các quy định pháp luật khác có liên quan./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm.....

BẢN THUYẾT MINH
VỀ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN PHÂN BÓN

Kính gửi:(1)

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

2. Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

3. Loại hình hoạt động: (doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể)

4. Năm bắt đầu hoạt động:

5. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN BUÔN BÁN

1. Cửa hàng (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có cửa hàng)

- Diện tích cửa hàng:m²

- Diện tích/công suất khu vực chứa/kho chứa phân bón:m² hoặc..... tấn

- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:

2. Nhân lực:

Danh sách nhân lực, trong đó bao gồm các thông tin:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh; loại văn bằng, giấy chứng nhận (ngày cấp, thời hạn hiệu lực, tên cơ quan cấp, tên người được cấp).

- Những thông tin khác

3. Nơi chứa phân bón:

Có (tiếp tục khai báo mục a)

Không (tiếp tục khai báo mục b)

a) Nếu có, cung cấp các thông tin sau:

Nơi chứa phân bón: Từ 5.000 tấn trở lên

Dưới 5.000 tấn

Kích thước kho:

Thông tin về nơi chứa phân bón:

Tên người đại diện:

Địa chỉ:

Điện thoại:

b) *Nếu không có kho riêng*: nêu tên những đơn vị mà tổ chức, cá nhân có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho):

4. Nội quy phòng cháy chữa cháy

5. Phương tiện phòng cháy chữa cháy:

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu - nếu có)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

B. TTHC THAY THẾ, BỊ THAY THẾ

I. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Công nhận làng nghề

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố lập hồ sơ đề nghị xét công nhận làng nghề theo tiêu chí quy định tại Điều 5, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 08/6/2018 của Chính phủ, gửi Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình.

- Bước 2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*nếu chưa hợp lệ phải thông báo cho tổ chức biết để bổ sung theo quy định*). Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét duyệt, chọn những đối tượng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3, Điều 5, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 08/6/2018 của Chính phủ để ban hành quyết định và cấp bằng công nhận làng nghề.

- Bước 3. Trả kết quả theo phiếu hẹn.

1.2. Cách thức thực hiện: Nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Danh sách các hộ tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn;

- Bản tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn trong 02 năm gần nhất;

- Văn bản đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định.

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.6. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

1.7. Kết quả thực hiện TTHC: Bằng công nhận, Quyết định hành chính.

1.8. Phí, lệ phí: Không

1.9. Mẫu đơn, tờ khai: Không

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Có tối thiểu 20% tổng số hộ trên địa bàn tham gia một trong các hoạt động hoặc các hoạt động ngành nghề nông thôn quy định tại Điều 4, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 08/6/2018 của Chính phủ;

- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 02 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị công nhận;
- Đáp ứng các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 08/6/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn;
- Quyết định số 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12/7/2018 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính ban hành thay thế, bị thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Công nhận nghề truyền thống

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố lập hồ sơ đề nghị xét công nhận làng nghề theo tiêu chí quy định tại Điều 5, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 08/6/2018 của Chính phủ, gửi Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình.
- Bước 2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*nếu chưa hợp lệ phải thông báo cho tổ chức biết để bổ sung theo quy định*). Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét duyệt, chọn những đối tượng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2, Điều 5, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 08/6/2018 của Chính phủ để ban hành quyết định và cấp bằng công nhận nghề truyền thống.
- Bước 3. Trả kết quả theo phiếu hẹn.

2.2. Cách thức thực hiện: Nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Danh sách các hộ tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn;
- Bản tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn trong 02 năm gần nhất;
- Văn bản đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định.

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2.6. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

2.7. Kết quả thực hiện TTHC: Bằng công nhận, Quyết định hành chính.

2.8. Phí, lệ phí: Không

2.9. Mẫu đơn, tờ khai: Không

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Có tối thiểu 20% tổng số hộ trên địa bàn tham gia một trong các hoạt động hoặc các hoạt động ngành nghề nông thôn quy định tại Điều 4, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 08/6/2018 của Chính phủ;

- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 02 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị công nhận;

- Đáp ứng các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 08/6/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn;

- Quyết định số 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12/7/2018 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính ban hành thay thế, bị thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Công nhận làng nghề truyền thống

3.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố lập hồ sơ đề nghị xét công nhận làng nghề theo tiêu chí quy định tại Điều 5, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 08/6/2018 của Chính phủ, gửi Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình.

- Bước 2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*nếu chưa hợp lệ phải thông báo cho tổ chức biết để bổ sung theo quy định*). Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét duyệt, chọn những đối tượng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 4, Điều 5, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 08/6/2018 của Chính phủ để ban hành quyết định và cấp bằng công nhận làng nghề truyền thống.

- Bước 3. Trả kết quả theo phiếu hẹn.

3.2. Cách thức thực hiện: Nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Bản tóm tắt quá trình hình thành, phát triển của nghề truyền thống;

- Bản sao có công chứng các giấy chứng nhận, huy chương đã đoạt được trong các cuộc thi, triển lãm trong nước và quốc tế hoặc có tác phẩm đạt nghệ thuật cao được cấp tỉnh, thành phố trở lên trao tặng (nếu có). Đối với những tổ chức, cá nhân không có điều kiện

tham dự các cuộc thi, triển lãm hoặc không có tác phẩm đạt giải thưởng thì phải có bản mô tả đặc trưng mang bản sắc văn hóa dân tộc của nghề truyền thống.

- Bản sao giấy công nhận Nghề nhân của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Danh sách các hộ tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn;
- Bảng tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn trong 02 năm gần nhất;
- Văn bản bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định.

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.6. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

3.7. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận, Quyết định hành chính.

3.8. Phí, lệ phí: Không

3.9. Mẫu đơn, tờ khai: Không

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đạt tiêu chí làng nghề nông thôn (đạt cả 3 tiêu chí):
 - + Có tối thiểu 20% tổng số hộ trên địa bàn tham gia một trong các hoạt động hoặc các hoạt động ngành nghề nông thôn quy định tại Điều 4, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 08/6/2018 của Chính phủ;
 - + Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 02 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị công nhận;
 - + Đáp ứng các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Có ít nhất một nghề truyền thống nông thôn (là nghề đạt cả 3 tiêu chí):
 - + Nghề đã xuất hiện tại địa phương từ trên 50 năm và hiện đang tiếp tục phát triển tính đến thời điểm đề nghị công nhận;
 - + Nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc;
 - + Nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 08/6/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn;
- Quyết định số 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12/7/2018 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính ban hành thay thế, bị thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.